TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN THÀNH** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**
Bản án số: 05/2017/LĐ-ST Ngày: 04 - 8 - 2017 V/v tranh chấp "Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THÀNH, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nghĩa

Các Hội thẩm: Bà Phan Thị Hải
Bà Phạm Thị Hiền

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Huỳnh Thanh Trà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa***: Bà Phạm Thị Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2016/TLST-LĐ ngày 26 tháng 4 năm 2016 về tranh chấp "Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 05/2017/QĐXX-ST ngày 27/6/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2017/QĐST-LĐ ngày 13/7/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1979 (có mặt)
Địa chỉ: Tổ 3, ấp Thành Công, xã Vĩnh Thanh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Công ty trách nhiệm hữu hạn G (vắng mặt)
Địa chỉ: Đường số 3, khu công nghiệp Mỹ Xuân A, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông L- là người đại diện theo pháp luật (Tổng Giám đốc công ty TNHH G).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bảo hiểm xã hội tỉnh B (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Hồng H là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 762/BHXH ngày 26/6/2017).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ngày 01/3/2013 giữa ông Nguyễn Văn Hg và Công ty TNHH G có ký Hợp đồng lao động số 69/HĐLĐ/2013, thuộc loại hợp đồng lao động không xác định thời hạn với những nội dung chính như sau:

+ Ông H làm việc tại Công ty từ ngày 01/3/2013 với chức danh là nhân viên bộ phận hành chính nhân sự;

+ Thời gian làm việc 08 giờ/ngày;

+ Mức lương chính được hưởng là 3.293.000 đồng và được tính thêm các phụ cấp khác theo quy định của Công ty.

Ngoài ra trong Hợp đồng còn quy định quyền và nghĩa vụ của các bên.

Sau khi hợp đồng lao động được ký kết, ông H đã chính thức làm việc tại Công ty từ ngày 01/3/2013 và được trả lương cùng tiền phụ cấp mỗi tháng (đã trừ tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp) là hơn 6.000.000 đồng và ông H xác nhận đã được Công ty thanh toán lương đến hết tháng 8/2014.

Đến tháng 9/2014, do Công ty gặp khó khăn nên đã cho một số lao động nghỉ chờ việc và hứa sẽ trả 100% lương cơ bản trong thời gian chờ việc. Riêng đối với nhân viên văn phòng, trong đó có ông H thì Công ty vẫn cho làm đến hết tháng 11/2014 để hoàn thành nốt các đơn hàng còn đang làm dở. Sau khi hoàn thành công việc thì đến tháng 12/2014 Công ty cũng đã cho ông H tạm nghỉ và hứa sẽ trả 100% lương cơ bản trong thời gian chờ việc. Tuy nhiên đến nay ông H vẫn chưa được phía Công ty trả lương chính thức của các tháng 9, 10, 11/2014 và lương chờ việc của các tháng tiếp theo như đã cam kết.

Nay ông H yêu cầu:

+ Chấm dứt Hợp đồng lao đồng số 69/HĐLĐ/2013 ngày 01/3/2013 được ký giữa ông Hoàng và Công ty TNHH G kể từ tháng 02/2015;

+ Buộc Công ty trả lương và phụ cấp của các tháng 9,10,11/2014 với số tiền là 18.483.204 đồng (tính theo phiếu lương tháng 9/2014 là 6.161.068 đồng/tháng x 03 tháng);

+ Buộc Công ty trả tiền lương của 03 tháng chờ việc (từ tháng 12/2014 đến thời điểm cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh B chốt sổ bảo hiểm là tháng 02/2015) tính theo mức lương chính được hưởng trong Hợp đồng lao động là 9.879.000 đồng (03 tháng x 3.293.000 đồng/tháng);

+ Buộc Công ty có nghĩa vụ nộp tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho ông H từ tháng 5/2014 đến tháng 02/2015 theo quy định.

- Theo nội dung bản tự khai và biên bản hòa giải, bà Trương Thị Thanh T là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày (Văn bản có thời hạn ủy quyền từ ngày 24/3/2017 đến ngày 30/6/2017):

Công ty TNHH G xác nhận ông Nguyễn Văn H có làm việc tại Công ty theo Hợp đồng lao động không xác định thời hạn số 69/HĐLĐ/2013 ngày 01/3/2013 với mức lương chính 3.293.000 đồng/tháng.

Từ tháng 10/2014, do có khó khăn nên Công ty đã ngưng hoạt động và cho toàn bộ người lao động nghỉ việc, trong đó có ông H.

Trước yêu cầu của ông H, Công ty có ý kiến như sau:

+ Chấm dứt Hợp đồng lao đồng đã ký kết với ông H kể từ tháng 11/2014;

+ Đồng ý thanh toán cho ông H 02 tháng tiền lương (tháng 10, 11/2014) theo mức lương trong hợp đồng đã ký kết giữa các bên;

+ Đồng ý đóng tiền bảo hiểm xã hội cho ông H đến hết tháng 11/2014.

- Bảo hiểm xã hội tỉnh B

Tính đến ngày 30/4/2017, Công ty TNHH G còn nợ quỹ Bảo hiểm xã hội với số tiền là 1.843.747.862 đồng. Trong đó:

+ Nợ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với số tiền là 1.686.200.455 đồng;

+ Lãi chậm nộp là 157.547.407 đồng.

Theo bản kê danh sách chi tiết thì hiện nay Công ty TNHH G chưa đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho ông H từ tháng 5/2014 đến tháng 02/2015.

***- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên*:**

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa; tuy nhiên vụ án đã vi phạm về thời hạn giải quyết theo quy định;

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không chấp hành, vi phạm quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, cụ thể buộc Công ty TNHH G trả cho ông H tiền lương của các tháng 9, 10, 11/2014 theo mức lương cơ bản ghi trong hợp đồng lao động là 3.293.000 đồng; trả lương chờ việc cho ông H trong 03 tháng (từ tháng 12/2014 đến tháng 02/2015) theo mức lương tối thiểu vùng do Nhà nước quy định;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ theo nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn ông Nguyễn Văn H cung cấp, xác định vụ án trên thuộc loại quan hệ tranh chấp về "Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động" và việc Tòa án nhân dân huyện Tân Thành thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 32, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tiến hành niêm yết giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho phía bị đơn Công ty TNHH G theo đúng quy định của pháp luật nhưng phía bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Đối với Hợp đồng lao động số 69/HĐLĐ/2013 ngày 01/3/2013 được ký kết giữa Công ty TNHH G và ông Nguyễn Văn H thuộc loại hợp đồng lao động không xác định thời hạn, có nội dung phù hợp với quy định của pháp luật và được xác lập bởi người có thẩm quyền nên có hiệu lực pháp luật.

[4] Đối với yêu cầu của ông H về việc chấm dứt Hợp đồng lao động số 69/HĐLĐ/2013 ngày 01/3/2013:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các cơ quan có thẩm quyền cung cấp, nhận thấy Công ty TNHH G có đăng ký địa chỉ hoạt động tại khu công nghiệp xã M, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Tuy nhiên hiện nay Công ty đã chấm dứt hoạt động và đã bị xóa tên trong cơ sở dữ liệu về đăng ký dự án đầu tư. Mặt khác theo xác nhận của Bảo hiểm xã hội tỉnh B thì phía bị đơn vẫn chưa đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông H từ tháng 5/2014 đến tháng 02/2015 là đã vi phạm đến quyền lợi và nghĩa vụ của các bên được quy định trong Hợp đồng. Do đó việc ông H yêu cầu được chấm dứt Hợp đồng lao động số 69/HĐLĐ/2013 ngày 01/3/2013 kể từ tháng 02/2015 là phù hợp với quy định tại Điều 37 của Bộ luật lao động nên được chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu của ông H về việc buộc Công ty TNHH G thanh toán tiền lương của các tháng 9, 10, 11/2014 và lương chờ việc từ tháng 12/2014 đến tháng 02/2015:

Trong quá trình giải quyết vụ án, phía ông Hoàng và người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH G đã có những lời khai mâu thuẫn với nhau về thời điểm ông H còn làm việc cũng như thời điểm ông H được cho nghỉ chờ việc.

Xét thấy việc chứng minh về thời gian làm việc cũng như đã trả lương cho người lao động là thuộc trách nhiệm của người sử dụng lao động, tuy nhiên trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay người đại diện hợp pháp của phía Công ty vẫn không có mặt và cũng không cung cấp được các chứng cứ để chứng minh về thời gian đã cho ông H nghỉ chờ việc cũng như đã trả lương cho ông H các tháng 9, 10, 11/2014.

Mặt khác, theo bản sao kê tài khoản thanh toán tại Ngân hàng TMCP Đ-chi nhánh Phú Mỹ, huyện Tân Thành thể hiện Công ty TNHH G mới thanh toán cho ông H tiền lương của tháng 7/2017, riêng đối với tiền lương tháng 8/2014 ông H xác nhận đã được Công ty thanh toán xong. Do đó việc ông H yêu cầu Công ty TNHH G phải tiếp tục trả tiền lương của các tháng 9, 10, 11/2014 và tiền lương chờ việc từ tháng 12/2014 đến tháng 02/2015 là có cơ sở nên được chấp nhận.

Về mức tiền lương:

Theo Hợp đồng lao động đã ký kết thể hiện ông H được hưởng mức lương chính là 3.293.000 đồng.

Tuy nhiên căn cứ vào bản sao kê tài khoản thanh toán tiền lương thông qua Ngân hàng thì ông H được Công ty trả lương với mức bình quân trên 6.000.000 đồng/tháng, cụ thể: Tháng 4/2014 là 6.427.235 đồng; tháng 5/2014 là 6.724.466 đồng; tháng 6/2014 là 6.624.528 đồng và tháng 7/2014 là 6.324.214 đồng.

Mặt khác theo phiếu lương tháng 9/2014 do ông H cung cấp thể hiện ông H có mức lương trong tháng là 6.506.833 đồng (gồm tiền lương cơ bản 3.496.417 đồng; phụ cấp trách nhiệm 1.082.467 đồng; phụ cấp công việc 913.371 đồng và tiền phụ cấp A, B, C là 1.014.578 đồng). Sau khi trừ đi tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp thì số tiền ông H được thực nhận là 6.161.068 đồng. Mặc dù phiếu lương trên chỉ là bản phô tô nhưng do phía bị đơn vắng mặt và không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến bảng tiền lương của ông H nên cần căn cứ vào mức tiền lương của tháng 9/2014 là 6.161.068 đồng/tháng để làm cơ sở giải quyết vụ án là phù hợp.

Từ những phân tích trên, buộc Công ty TNHH G phải có trách nhiệm thanh toán cho ông H các khoản tiền sau:

+ Tiền lương của các tháng 9, 10, 11/2014 với số tiền là 18.483.204 đồng (03 tháng x 6.161.068 đồng/tháng);

+ Tiền lương chờ việc của tháng 12/2014 và tháng 01, 02/2015 (sau khi khấu trừ 10,5% mức đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của người lao động) là 8.841.705 đồng (03 tháng x 2.947.235 đồng/tháng);

Tổng cộng số tiền Công ty TNHH G phải thanh toán cho ông H là 18.483.204 đồng + 8.841.705 đồng = 27.324.909 đồng.

[6] Đối với yêu cầu của ông H về việc buộc Công ty đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho ông H từ tháng 5/2014 đến tháng 02/2015:

Nhận thấy từ tháng 5/2014 đến tháng 02/2015 phía Công ty TNHH G chưa đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông H, do đó yêu cầu nêu trên của ông Hoàng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Về án phí lao động sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H không phải chịu; Công ty TNHH G phải chịu án phí có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán là 27.324.909 đồng x 3% = 819.747 đồng và án phí không có giá ngạch đối với khoản tiền phải đóng bảo hiểm xã hội là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 37, 96, 98 của Bộ luật lao động;

Căn cứ Điều 18 của Luật bảo hiểm xã hội;

Căn cứ vào các Điều 32, 35, 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H.

1. Chấm dứt Hợp đồng lao động số 69/HĐLĐ/2013 ngày 01/3/2013 đã ký giữa Công ty TNHH G và ông Nguyễn Văn H kể từ tháng 02/2015,

2. Buộc Công ty TNHH G có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn H toàn bộ tiền lương của các tháng 9, 10, 11/2014 và tiền lương chờ việc của tháng 12/2014, tháng 01, 02/2015 với tổng số tiền là 27.324.909 đồng (hai mươi bảy triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm lẻ chín đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Công ty TNHH G có nghĩa vụ tiếp tục đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho ông Hoàng kể từ tháng 5/2014 đến tháng 02/2015.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người sử dụng lao động chưa thực hiện nghĩa vụ đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp thì ngoài số tiền chưa đóng, còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất của hoạt động đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội tại thời điểm đóng, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH G phải nộp số tiền là 1.119.747 đồng (một triệu một trăm mười chín nghìn bảy trăm bốn mươi bảy đồng).

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét

xử phúc thẩm (đối với người vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- TAND tỉnh BR-VT;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Minh Nghĩa

Hội thẩm nhân dân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Hải - Phạm Thị Hiền Nguyễn Minh Nghĩa